

**CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG
TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 148/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2021-2025 gồm tập hợp các nhiệm vụ khuyến nông, trong đó tập trung vào hướng dẫn, tổ chức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ các ngành hàng, sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực và đặc sản của tỉnh đồng thời đẩy mạnh xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, làm căn cứ đề xuất kế hoạch khuyến nông, dự toán kinh phí hàng năm và chủ động trong việc bố trí nguồn lực triển khai thực hiện.

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp để tăng thu nhập, làm giàu, thích ứng với các điều kiện canh tác, khí hậu, thị trường và gắn với phát triển du lịch sinh thái. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hoá, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm; thúc đẩy tiến trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; tăng cường khả năng chống chịu thiên tai, đảm bảo an ninh lương thực, ổn định kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng ngành nông lâm nghiệp thuỷ sản tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia chuyển giao khoa học công nghệ trong nông nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về đào tạo, tập huấn

Tổ chức 70 lớp đào tạo, tập huấn cho 2.100 lượt cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác và nông dân điển hình...Nội dung về nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ kỹ thuật chuyên ngành; tập huấn (TOT) về quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên các cây trồng chủ lực, công tác tiếp cận thị trường và liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị; nâng cao kiến thức về an toàn thực phẩm,

sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất theo tiêu chuẩn quốc gia; ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh 4.0 trong sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản; công tác sản xuất và chọn giống cây trồng, vật nuôi.

2.2. Về thông tin tuyên truyền

- *Thông tin tuyên truyền:* Thực hiện và phối hợp thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền Chương trình Khuyến nông; tuyên truyền các chủ trương, chính sách của trung ương và của tỉnh về nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, để người dân nắm bắt nhanh, chính xác, đầy đủ và kịp thời nhất.

+ Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Tuyên Quang thực hiện 180 Chuyên mục khuyến nông trên truyền hình tỉnh.

+ Xuất bản tài liệu khuyến nông: 50.000 tờ hướng dẫn sử dụng giống và thời vụ; 400.000 tờ hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; 6.000 quyển Bản tin khuyến nông và thị trường, 500 quyển sổ tay khuyến nông.

+ Tăng cường phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia để tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh trên các phương tiện thông tin của trung ương.

- *Tổ chức 47 hội nghị, tọa đàm, diễn đàn khuyến nông, học tập kinh nghiệm* (35 hội nghị tổng kết nhân rộng mô hình; 04 cuộc tọa đàm; 03 Diễn đàn khuyến nông @ nông nghiệp; 05 chuyên khảo sát học tập kinh nghiệm, xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm).

2.3. Về xây dựng Dự án, mô hình khuyến nông

Xây dựng Dự án, mô hình khuyến nông ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp đồng thời tạo cầu nối gắn kết nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản. Với tổng số 03 dự án và 57 mô hình¹ khuyến nông tập trung vào các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP; sản phẩm có thế mạnh của địa phương trong tỉnh, mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP; sản xuất nông nghiệp hữu cơ; liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mô hình sản xuất hiệu quả bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu...

2.4. Về hướng dẫn, tổ chức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

Tư vấn, hướng dẫn ít nhất 10 doanh nghiệp liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân; hướng dẫn 5 hợp tác xã/tổ hợp tác trở lên thực

¹ . Về dự án: 01 dự án về lĩnh vực trồng trọt, 02 dự án về lĩnh vực chăn nuôi. Về mô hình: 20 mô hình trồng trọt, 15 mô hình chăn nuôi, 14 mô hình lâm nghiệp và 8 mô hình thủy sản.

hiện dịch vụ trọn gói từ cung ứng dịch vụ đầu vào đến bao tiêu sản phẩm đầu ra; tổ chức 10 hoạt động xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường, tuyên truyền quảng bá, giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh; đẩy mạnh tư vấn, hướng dẫn hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu, thiết kế bao bì, mẫu mã sản phẩm; phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn... đẩy mạnh liên kết “5 nhà”²; khuyến khích các hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, cánh đồng lớn...

2.5. Về hợp tác khuyến nông

Đẩy mạnh xã hội hoá công tác khuyến nông, chủ động mời gọi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước, các cơ quan quản lý, cơ sở nghiên cứu, các trường đại học... tham gia vào các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh. Trọng tâm hợp tác về đào tạo tập huấn kiến thức khoa học công nghệ mới, triển khai các mô hình, đề tài, dự án khuyến nông phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hoá trên địa bàn tỉnh.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Triển khai thực hiện Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn toàn tỉnh. Căn cứ vào danh mục Chương trình được phê duyệt, hàng năm tiến hành khảo sát chọn địa điểm, xây dựng thuyết minh dự án, mô hình, kế hoạch dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo theo các quy định hiện hành của Nhà nước, làm căn cứ triển khai thực hiện.

2. Đối tượng: Là các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến năm 2025.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Về đào tạo, tập huấn

Căn cứ nhu cầu sản xuất, thị trường và định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh, bám sát vào các ngành hàng, sản phẩm nông lâm nghiệp và thủy sản, lựa chọn một số nội dung đào tạo tập huấn về kiến thức mới, phù hợp và đáp ứng yêu cầu sản xuất của tỉnh, đồng thời xây dựng kế hoạch, tổ chức các khóa học ngắn hạn gắn lý thuyết với thực hành. Trong giai đoạn 2021-2025, tổ chức 70 lớp tập huấn cho 2.100 lượt người tham gia (30 người/lớp), cụ thể:

1.1. Tổ chức 05 lớp đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông... tham gia.

2 . Nhà nước, nhà khoa học, nhà băng (ngân hàng), doanh nghiệp, nhà nông

1.2. Tổ chức 05 lớp tập huấn nâng cao kiến thức về an toàn thực phẩm, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất VietGAP, sản xuất theo tiêu chuẩn quốc gia cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, nhóm hộ sản xuất, cá nhân tham gia sản xuất hữu cơ.

1.3. Tổ chức 05 lớp tập huấn nâng cao kiến thức về ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh 4.0 trong sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản cho cán bộ khuyến nông, chủ trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân sản xuất.

1.4. Tổ chức 05 lớp đào tạo tập huấn tiểu giáo viên (TOT) về quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên các cây trồng chủ lực (cây cam, cây bưởi, cây chè) cho cán bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp.

1.5. Tổ chức 05 lớp tập huấn nâng cao kiến thức sản xuất và chọn giống cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh cho cán bộ kỹ thuật chuyên ngành của ngành nông nghiệp.

1.6. Tổ chức 10 lớp tập huấn công tác tiếp cận thị trường và liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông lâm nghiệp và thủy sản theo chuỗi giá trị cho nông dân, chủ trang trại trên địa bàn tỉnh.

1.7. Tổ chức 35 lớp tập huấn về sản xuất hàng hoá đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực, đặc sản của từng địa phương cho cán bộ khuyến nông và cộng tác viên khuyến nông cơ sở.

2. Về thông tin, tuyên truyền

2.1. Thông tin truyền thông

- Xuất bản 500 quyển sổ tay khuyến nông; in ấn 50.000 tờ hướng dẫn cơ cấu giống và thời vụ; 400.000 tờ gấp hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; 6.000 quyển Bản tin khuyến nông và thị trường.

- Xây dựng 180 Chuyên mục khuyến nông trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Tuyên Quang. Phối hợp với Báo Tuyên Quang xây dựng 360 tin bài tuyên truyền các mô hình có hiệu quả, hộ sản xuất điển hình, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, xây dựng nông thôn mới, các tin tức sự kiện của ngành nông nghiệp tỉnh...

- Hàng năm phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia để tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh trên các phương tiện thông tin của trung ương như: Cơ quan báo, đài, Bản tin Khuyến nông, Website của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia...

2.2. Tổ chức khảo sát học tập kinh nghiệm, diễn đàn khuyến nông, hội nghị, tọa đàm

- Tổ chức 05 chuyên khảo sát học tập kinh nghiệm, xúc tiến thương mại

và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, mô hình ứng dụng công nghệ cao; xây dựng nông thôn mới nâng cao để áp dụng vào sản xuất.

- Tổ chức 03 Diễn đàn khuyến nông @ nông nghiệp về thực trạng và giải pháp phát triển một số sản phẩm chủ lực, sản phẩm thế mạnh của tỉnh hoặc các giải pháp liên kết sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

- Tổ chức 35 hội nghị tổng kết đánh giá các mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới đạt hiệu quả để tuyên truyền nhân rộng tại các huyện, thành phố.

- Tổ chức 04 cuộc tọa đàm về chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm các cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh.

3. Về xây dựng Dự án, mô hình Khuyến nông

Xây dựng các dự án, mô hình trình diễn khuyến nông ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng và tăng giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, tăng thu nhập cho nông dân, đồng thời tạo cầu nối gắn kết nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Giai đoạn 2021-2025, xây dựng 03 dự án và 57 mô hình khuyến nông về các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.

3.1. Về xây dựng Dự án Khuyến nông (03 dự án)

- Dự án sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ gắn với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm và thực hiện cơ giới hoá một số khâu trong sản xuất, chế biến, quy mô 24 ha/3 năm tại các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên, Na Hang, giai đoạn 2022-2024.

- Dự án liên kết chăn nuôi gà lông màu (Ri lai, Mía Lai...) bán chần thả hướng tới xây dựng thương hiệu, quy mô 24.000 con/3 năm thực hiện tại các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, thành phố Tuyên Quang, giai đoạn 2022-2024.

- Dự án liên kết chăn nuôi lợn sinh sản giống bản địa, theo hướng an toàn sinh học gắn với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, quy mô 240 con (40 lợn đực, 200 lợn cái hậu bị)/2 năm tại 2 huyện: Yên Sơn, Lâm Bình, giai đoạn 2022-2023.

3.2. Về xây dựng mô hình Khuyến nông (57 mô hình)

3.2.1. Về lĩnh vực trồng trọt (xây dựng 20 mô hình):

- 04 mô hình liên kết sản xuất giống lúa chất lượng theo tiêu chuẩn hữu cơ gắn với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, quy mô 40 ha/4 năm tại các huyện.

- 03 mô hình trồng tre Lục trúc lấy măng gắn với phát triển du lịch sinh thái, quy mô 9 ha/3 năm tại các huyện: Chiêm Hoá, Na Hang, Lâm Bình.

- 02 mô hình ứng dụng công nghệ tưới, kết hợp sử dụng bón phân qua hệ

thống tưới tự động trên cây (chè, cam...), quy mô 04 ha/2 năm tại 2 huyện: Yên Sơn, Hàm Yên.

- 03 mô hình liên kết sản xuất rau an toàn theo hướng hữu cơ trong nhà lưới gắn với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, quy mô 2.000 m² nhà lưới/2 năm tại các huyện Sơn Dương, Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang.

- 03 mô hình liên kết sản xuất cây Gai xanh lấy sợi gắn với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, quy mô 15 ha/2 năm tại các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Chiêm Hoá.

- 01 mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh và thu hái bảo quản sản phẩm cây Lê gắn với phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái, quy mô ha (03 ha trồng mới và 10 ha chăm sóc)/2 năm tại huyện Na Hang.

- 04 mô hình trồng một số giống mới (cây ăn quả, cây đặc sản, cây dược liệu...)/3 năm tại các huyện Hàm Yên, Sơn Dương, Na Hang, Lâm Bình.

3.2.2. Về lĩnh vực lâm nghiệp (xây dựng 14 mô hình):

- 06 mô hình áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn sử dụng giống mới chất lượng cao (Keo lai nuôi cấy mô, Keo tai tượng nhập ngoại, Lát hoa...), quy mô 220 ha/2 năm tại các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hoá.

- 08 mô hình trồng thâm canh cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu (cây Dổi ghép, cây Sa nhân tím, cây Khôi nhung...), quy mô 14 ha/3 năm tại các huyện: Yên Sơn, Hàm Yên, Sơn Dương, Chiêm Hoá, Lâm Bình.

3.2.3. Về lĩnh vực chăn nuôi (xây dựng 15 mô hình):

- 02 mô hình cải tạo đàn dê (sử dụng giống dê đực Bore, dê cái lai Bách thảo) theo hướng nâng cao giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm, quy mô 220 con (20 con dê đực và 200 con dê cái)/2 năm tại 2 huyện: Na Hang, Lâm Bình.

- 04 mô hình ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo để cải tạo và nâng cao tầm vóc đàn trâu địa phương, quy mô 1.280 liều tinh trâu ngoại (trâu Murrah) để phối giống cho 320 con trâu cái /4 năm tại các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Chiêm Hoá, Na Hang.

- 04 mô hình nuôi vịt thương phẩm (vịt Bầu đất) theo hướng an toàn sinh học gắn với tiêu thụ sản phẩm, quy mô 12.000 con/4 năm tại các huyện: Yên Sơn, Hàm Yên, Na Hang, Lâm Bình.

- 04 mô hình chăn thả lợn rừng sinh sản theo hướng an toàn sinh học gắn với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, quy mô 300 con/4 năm tại các huyện: Na Hang, Lâm Bình, Hàm Yên, Yên Sơn.

- 01 mô hình cải tạo, nâng cấp để mở rộng sản xuất, chế biến, bảo quản thịt trâu khô trong chuỗi liên kết chăn nuôi trâu, bò vỗ béo của Hợp tác xã Nông nghiệp Công nghệ cao Tiến Thành - Tuyên Quang, quy mô 100 m² nhà sơ chế và các thiết bị chế biến thịt trâu khô.

3.2.4. Về lĩnh vực thủy sản (xây dựng 8 mô hình):

- 04 mô hình nuôi cá đặc sản trong lồng trên sông nước tĩnh, hồ thủy điện gắn với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, quy mô 20 lồng cá (108 m³/lồng) tại các huyện.

- 04 mô hình nuôi cá chép ruộng, quy mô 02 ha tại 2 huyện: Na Hang, Chiêm Hóa hoặc Sơn Dương.

4. Về hướng dẫn, tổ chức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

Đẩy mạnh hướng dẫn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị là một trong các giải pháp then chốt để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá của tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Tư vấn, hướng dẫn ít nhất 10 doanh nghiệp xây dựng Chương trình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hướng dẫn nông dân ký hợp đồng, tổ chức sản xuất các sản phẩm đảm bảo an toàn, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, đồng thời kiểm tra, giám sát các bên tham gia liên kết thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng.

- Hướng dẫn củng cố, đổi mới hoạt động từ 5 hợp tác xã/tổ hợp tác trở lên theo hình thức dịch vụ trọn gói từ cung ứng dịch vụ đầu vào đến bao tiêu sản phẩm. Khuyến khích các hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, cánh đồng lớn...

- Tổ chức 10 hoạt động xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, cải tiến bao bì sản phẩm để nâng cao chất lượng giá trị sản phẩm; thực hiện quảng bá, giới thiệu sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh trên báo, đài trung ương, địa phương, các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn...

5. Về hợp tác khuyến nông

- Hàng năm phối hợp tổ chức ít nhất 01 hội thảo cấp tỉnh về trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông và khoa học công nghệ với các tổ chức, chuyên gia, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để đưa tiến bộ kỹ thuật, các giống vật nuôi, giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh.

- Phối hợp với các trường đại học, Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu chuyển giao khoa học để triển khai các mô hình, dự án thuộc nguồn vốn khuyến nông trung ương, vốn của các tổ chức, cá nhân và nguồn vốn của tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh đề xuất triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại phụ biểu 1 kèm theo)

IV. CƠ CHẾ HỖ TRỢ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Cơ chế hỗ trợ: Áp dụng theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông và các văn bản của Trung ương, của tỉnh.

2. Kinh phí thực hiện

Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2021-2025 là **37.810.580.000** đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ, tám trăm mười triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: **30.761.170.000** đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ, bảy trăm sáu mươi một triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng). Bao gồm: Dự kiến Ngân sách Trung ương: **2.356.670.000** đồng; ngân sách tỉnh: **28.404.500.000** đồng.

- Vốn đối ứng của người dân, doanh nghiệp đóng góp: **7.049.410.000** đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm mười nghìn đồng).

3. Kinh phí phân theo tiến độ thực hiện

DVT: tr. đồng

TT	Nguồn kinh phí	Giai đoạn 2021-2025	Năm thực hiện				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	Ngân sách nhà nước	30.761,17	2.761,10	9.988,45	8.508,09	6.678,50	2.825,03
2	Đối ứng của người dân, doanh nghiệp	7.049,41	178,13	2.610,51	2.109,26	1.596,11	555,40
	Tổng cộng	37.810,58	2.939,23	12.598,96	10.617,35	8.274,61	3.380,43

(Chi tiết phân kỳ kinh phí tại phụ biểu 02)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tích cực đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động để nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông. Áp dụng các phương pháp tiếp cận tiên tiến, có sự tham gia của người dân, nhất là phương pháp tập huấn tại hiện trường; phương pháp giảng dạy lấy học viên làm trung tâm, ứng dụng công nghệ thông tin trình chiếu các hình ảnh, hoạt động khuyến nông... để nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động khuyến nông của tỉnh.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, cán bộ Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thành phố. Chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, kỹ năng giao tiếp, truyền đạt, tổ chức hội thảo, xây dựng mô hình và đánh giá các hoạt động khuyến nông.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa Trung tâm Khuyến nông với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế thành phố, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thành phố, các cấp chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan trong triển khai thực hiện chương trình.

2. Giải pháp về khoa học kỹ thuật

- Kịp thời ứng dụng vào sản xuất kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án khoa học công nghệ, các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến về giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện của tỉnh để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp hàng hoá hiệu quả và bền vững.

- Đẩy mạnh áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất. Áp dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến trong chế biến, bảo quản để nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản.

- Mỗi cán bộ khuyến nông phải tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm thực tế; kiến thức về thị trường để vừa chuyển giao khoa học kỹ thuật vừa làm cầu nối gắn kết người dân với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản theo chuỗi giá trị. Hàng năm mỗi cán bộ khuyến nông phải xây dựng và thực hiện được ít nhất một mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả hơn hẳn so với mô hình của nông dân để tuyên truyền nhân rộng ra sản xuất. Ưu tiên triển khai thực hiện các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất hữu cơ, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm và có truy xuất nguồn gốc; mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại; mô hình giảm nghèo bền vững cho các đối tượng ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- Thực hiện tốt công tác tư vấn, hướng dẫn cho nông dân và các tổ chức sản xuất về chính sách, pháp luật trong nông nghiệp, nông thôn; hướng dẫn liên kết sản

xuất theo chuỗi giá trị; chuyên giao tiến bộ kỹ thuật và khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh; tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh nông nghiệp đảm bảo hiệu quả; hướng dẫn trình tự hồ sơ công nhận sản phẩm OCOP.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện tốt hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi.

3. Giải pháp về hướng dẫn, tổ chức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

- Phối hợp chặt chẽ giữa “5 nhà” trong việc hướng dẫn, tổ chức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường các hoạt động liên kết vùng để đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm chủ lực.

- Vận động, khuyến khích các doanh nghiệp có tiềm lực tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị... để tạo đầu ra ổn định, bền vững cho sản phẩm, tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung mang lại thu nhập cao cho nông dân.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường, kết nối doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị thông qua các hội nghị, hội thảo, hội chợ, diễn đàn @ nông nghiệp... Chú trọng xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, dán tem truy xuất nguồn gốc; thiết kế, cải tiến mẫu mã, nhãn mác bao bì để nâng cao giá trị sản phẩm.

4. Giải pháp về công tác thông tin tuyên truyền

- Tích cực đổi mới nội dung, phương pháp thông tin tuyên truyền khuyến nông, đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và của tỉnh để thông tin về các mô hình hiệu quả, các tiến bộ kỹ thuật mới, giá cả thị trường nông sản, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị để nông dân học tập và làm theo...

- Đẩy mạnh tuyên truyền nhân rộng các mô hình khuyến nông đạt hiệu quả, nhất là mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới với các giải pháp đột phá về năng suất, chất lượng, mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hữu cơ, VietGAP để tạo ra sản phẩm an toàn, nâng cao thu nhập cho nông dân.

- Tăng cường tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh thông qua: Đài Phát thanh và truyền hình, báo, diễn đàn, Bản tin Khuyến nông, Website của Trung ương và địa phương.

5. Giải pháp về nguồn vốn

- Huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện Chương trình trên cơ sở kế hoạch, dự toán hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Tranh thủ các nguồn lực từ liên kết, phối hợp với các Viện nghiên cứu, Trường đại học, Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao khoa học... Thực hiện lồng ghép và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi, Chương trình giảm nghèo, vốn nghiên cứu khoa học, vốn từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến nông, huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia vào công tác khuyến nông để đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh.

6. Giải pháp về hợp tác khuyến nông

- Đẩy mạnh hợp tác, trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông và khoa học công nghệ với các tổ chức, chuyên gia, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật, các giống vật nuôi, giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh.

- Phối hợp với các Viện nghiên cứu, các trường đại học, Trung tâm nghiên cứu chuyển giao khoa học để triển khai các mô hình, dự án thuộc nguồn vốn khuyến nông trung ương, nguồn vốn của tỉnh.

- Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động phối hợp với Sở Khoa học Công nghệ đề xuất với Bộ Khoa học Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để thực hiện trên địa bàn tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2021-2025; nghiên cứu tích hợp, lồng ghép nội dung Chương trình Khuyến nông vào nội dung cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và các đề án, chương trình, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn để triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

- Căn cứ Chương trình được phê duyệt và nhu cầu thực tiễn sản xuất, kế hoạch khuyến nông hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư đề xuất nội dung, dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông tỉnh chủ trì, phối hợp với Trung tâm dịch vụ nông nghiệp các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động khuyến nông trên địa bàn: Căn cứ Chương trình và nhu cầu thực tiễn sản xuất, thị trường để xây dựng, đề xuất kế hoạch khuyến nông hàng năm và dự toán kinh phí gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng kỳ với xây dựng dự toán ngân sách hàng năm. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức triển khai thực hiện; thường xuyên giám sát, kiểm tra, đôn đốc tiến độ, kết quả thực hiện Chương trình Khuyến nông đảm bảo hiệu quả.

- Hàng năm, tổng kết, đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo qui định.

- Trong quá trình thực hiện, căn cứ chủ trương, định hướng phát triển nông lâm nghiệp của tỉnh và nhu cầu thực tiễn sản xuất; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh Chương trình Khuyến nông nhằm đảm bảo thiết thực, hiệu quả và phù hợp với nhu cầu, thực tiễn sản xuất của nông dân.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các sở, ngành liên quan thẩm định dự toán, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán và cấp kinh phí thực hiện Chương trình Khuyến nông hàng năm để tổ chức triển khai thực hiện.

3. Sở Kế hoạch - Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí để thực hiện Chương trình Khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong Chương trình Khuyến nông trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả. Thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình thuộc nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh và cấp Bộ hàng năm để triển khai thực hiện Chương trình.

5. Các sở, ban ngành liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện tốt các mục tiêu, nội dung Chương trình Khuyến nông.

6. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Huy động nguồn kinh phí sự nghiệp, sự nghiệp khoa học, vốn phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu được phân bổ để lồng ghép thực hiện

Chương trình Khuyến nông trên địa bàn huyện, thành phố.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện tốt Chương trình Khuyến nông trên địa bàn.

- Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân

Cam kết và thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình về tổ chức hoạt động sản xuất, cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra theo đúng hợp đồng ký kết, cùng nhau bàn bạc và giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng liên kết.

Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ và nội dung được giao chủ động phối hợp tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Trong quá trình thực hiện Chương trình, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.
